

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV23B6
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024**

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)		Giáo dục thể chất(1)		Pháp luật(1)	Cải đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)	Bảng tính điện tử(3)		Tiếng anh chuyên ngành(2)		Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354802035169	Lý Gia	Bảo	29/07/2008	2.3	9.5	7.3	0.0	8.3	6.9	6.8	6.5	6.1	5.7	Trung bình				
02	2354802035170	Hồ Phước	Bi	08/09/2008	6.9	9.0	7.4	8.0	8.5	8.2	6.9	6.1	6.9	7.5	Khá				
03	2354802035171	Mã Thị Trúc	Em	08/12/2007	2.5	2.8	0.0	0.0	0.4	3.1	3.4	2.4	0.0	1.3	Yếu				
04	2354802035172	Nguyễn Thành	Hiếu	18/10/2008	8.4	9.2	8.7	8.5	9.3	7.4	6.7	7.7	8.1	8.1	Giỏi				
05	2354802035173	Nguyễn Văn	Hiếu	28/04/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu				
06	2354802035174	Phan Quốc	Huy	06/04/2008	8.6	6.7	9.0	8.9	8.7	7.4	6.5	8.2	8.4	8.2	Giỏi				
07	2354802035175	Lê Thị	Huyền	28/06/2008	7.9	9.1	8.9	8.9	9.5	9.9	7.0	8.7	8.0	8.8	Giỏi				
08	2354802035176	Huỳnh Nguyễn Hồ	Khải	05/01/2008	8.4	7.8	7.2	6.5	8.9	8.8	6.7	8.6	7.6	7.8	Khá				
09	2354802035177	Lê Bảo	Khang	09/12/2008	7.6	6.8	7.3	8.2	9.2	9.7	7.8	8.0	7.1	8.3	Giỏi				
10	2354802035178	Nguyễn Thanh	Lam	09/06/2008	5.5	8.2	7.6	6.8	9.0	7.3	7.8	7.5	6.9	7.6	Khá				
11	2354802035179	Kha Phước	Lộc	24/03/2008	7.8	9.3	8.0	8.7	8.7	7.6	7.2	7.3	7.3	7.9	Khá				
12	2354802035180	Đặng Hữu	Luân	14/06/2008	0.0	3.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu				
13	2354802035181	Phùng Cẩm	Ly	25/08/2008	0.0	0.0	0.0	6.2	8.5	5.0	2.6	2.0	0.0	4.2	Yếu				
14	2354802035182	Trần Hạo	Nam	28/05/2008	8.3	8.6	8.3	8.3	8.5	7.5	6.4	7.4	8.3	7.9	Khá				
15	2354802035183	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	26/10/2008	6.6	8.3	8.0	9.1	9.0	7.4	7.5	8.3	7.6	8.3	Giỏi				
16	2354802035184	Mai Trí Hữu	Nhân	29/09/2008	7.6	9.2	7.3	7.9	8.5	8.8	7.3	7.0	7.3	7.8	Khá				

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)		Giáo dục thể chất(1)		Pháp luật(1)	Cải đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)		Bảng tính điện tử(3)		Tiếng anh chuyên ngành(2)		Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)		Giáo dục Chính trị(2)		Điểm TB	Xếp loại
17	2354802035185	Hồ Thị Bảo	Nhi	01/12/2008	6.2	0.0	3.2	3.3	2.9	2.0	3.0	3.4	2.8	2.9	Yếu							
18	2354802035186	Lê Thị Bảo	Nhi	30/06/2008	7.7	7.4	8.2	8.9	8.8	6.3	7.7	8.8	6.1	7.9	Khá							
19	2354802035187	Lý Thị Huỳnh	Như	12/12/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu							
20	2354802035189	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	30/10/2008	6.3	0.0	6.7	8.1	8.6	5.4	7.5	7.6	6.2	7.3	Khá							
21	2354802035190	Nguyễn Thúy	Oanh	15/09/2008	2.5	2.0	2.9	2.6	3.0	3.1	2.9	2.0	2.8	2.8	Yếu							
22	2354802035192	Nguyễn Thị Như	Phương	12/11/2008	0.0	0.0	0.0	6.3	7.5	6.2	2.6	2.0	0.0	4.2	Yếu							
23	2354802035193	Nguyễn Văn	Quyển	09/12/2006	8.5	9.6	8.7	9.4	8.9	9.1	8.1	8.7	7.3	8.7	Giỏi							
24	2354802035196	Trần Vĩnh	Tài	13/10/2008	8.4	9.1	8.1	8.0	9.0	8.3	7.6	7.6	5.8	7.8	Khá							
25	2354802035197	Nguyễn Quốc	Thái	15/04/2008	8.7	9.5	9.1	9.1	8.9	10.0	8.1	8.3	8.2	8.8	Giỏi							
26	2354802035198	Trần Thị Bảo	Thy	10/11/2008	7.3	8.8	8.5	9.1	9.1	9.1	7.8	8.3	7.9	8.6	Giỏi							
27	2354802035199	Huỳnh Nguyệt	Trân	08/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.0	2.8	2.0	0.0	0.9	Yếu							
28	2354802035200	Trần Thị Phương	Trinh	22/03/2008	7.1	7.4	8.1	7.4	8.3	7.1	6.4	6.9	6.4	7.3	Khá							

Lưu ý: Môn học *Giáo dục thể chất* và *Giáo dục QP - AN* không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 26 tháng 06 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái